

# Ở Tù với Trần Dạ Từ và Bạn Hữu

Hồ Văn Đồng

Ngày 3 tháng Tư, 1976, khi công an Cộng sản mở chiến dịch hốt gọn văn nghệ sĩ Saigon, tôi đang ở Phan Rang, ngụ đầu trong một cánh đồng mía. Là một anh nhà báo về già, từ nhiều năm trước 1975, sau khi đóng cửa báo Quyết Tiến, sang nương nốt cơ sở nhà in ở đường Võ Tánh cho anh Đặng Văn Bé – chủ nhật báo Thách Đố -, tôi thực sự về vườn, hiểu cả theo nghĩa đen: Ra Phan Rang, tay tổ chức trồng dăm ba mẫu mía, vật lộn với mấy lò nấu đường, mỗi tháng chỉ về thăm nhà ở Saigon vài ngày.

Khi Cộng sản chiếm Saigon, dù có chung tâm sự với anh em làng văn làng báo cũ, tôi vẫn cười cười, biểu họ:

- Moa đâu còn là nhà báo. Moa là nông dân. Lê Nin kêu nông dân là liên minh vững chắc của giai cấp tiên phong. Mao chủ tịch còn sửa lưng cả Lê Nin, kêu nông dân là thành phần cốt cán. Các toa phở phơ ở thành phố quen hư thân mất nết, ngán đi kinh tế mới. Moa đã tự giác đi kinh tế mới lao động sản xuất từ khuya rồi. Nông dân trăm phần trăm, còn ngán chó gì nữa.

Ngày 9 tháng 3, khi tôi xách cái bị lát nông dân từ Phan Rang về Saigon thăm nhà, công an Cộng sản đã rình sẵn từ bao giờ, còng tay cái rụp. Tại sở công an thành phố, trước là trụ sở Nha Cảnh sát đô thành, đường Trần Hưng Đạo, khi cánh cửa sắt nặng nề của phòng giam mở ra, tôi nghe nhiều tiếng cười. Một giọng nói vui vẻ vang lên:

- A, Anh Đồng đen đây rồi. Đi đâu giờ này mới chịu mò tới. Nhờ anh tí, bắt anh em chờ mãi.

Vẫn in hệt lối nói quen thuộc trong làng báo miền Nam, thường dành cho anh em tới trễ trong một buổi họp mặt thân mật. Chỉ khác chút xíu: cuộc họp mặt lần này đông đảo chưa từng thấy, mà lại là họp mặt trong nhà tù Cộng sản.

Phòng giam vuông vắn mỗi bề khoảng 5 thước, lổ nhỏ năm sáu chục hình người, gần như nệm cứng, chen chân muốn không lọt.

- Lại đây nè, cha nội. Xớ rớ chi vậy?

Giọng nói quen thuộc lại vang lên. Một anh chàng thấp lùn phe phẩy quạt giấy, mặt mũi vêu vao, đang ngoác miệng ra cười, vẩy vẩy về phía tôi. Tôi nhận ra anh bạn phóng viên Anh Quân. Bên cạnh là anh Doãn Quốc Sỹ, anh Đăng Giao, anh Trần Dạ Từ... Phòng giam nệm chặt kiểu cá mè đóng hộp, dưới mái tôn nóng điên người, tất cả đều cười trần, mồ hôi nhễ nhại. Tôi chào tất cả và nói:

- Đông đảo phe ta cả, vui quá há!

Đáp lời tôi, anh Doãn Quốc Sỹ cười hiền lành:

- Vui thật ông ạ. Còn Khô Vinh đại sư nữa kia.

Tôi nhìn theo mắt anh Sỹ hướng về một góc phòng. Trên bệ cao cầu tiêu chung trong góc, tôi nhận ra còn có thêm anh Nguyễn Mạnh Côn. Khô Vinh đại sư là tên một nhân vật tiểu thuyết của Kim Dung. Anh em gán cho anh Côn biệt danh này trúng quá vì anh vốn gầy gò, người nhỏ thó, xương xẩu giống hệt một nhà tu khổ hạnh. Ngồi trên trụ trên cầu tiêu, Khô Vinh đại sư nhìn tôi cười cười, ra dấu chào.

Phòng giam chúng tôi ở, được gọi bằng một tên hoa mỹ là “Tập thể hai.” Tại sở công an, còn có khu A, khu B, tập thể một, phòng giam nữ, và các phòng biệt giam... Thời điểm này, không kể khám Chí Hòa, Đề lao Gia Định, trụ sở các phường quận, nghe nói bin đình Đại Lợi và nhiều ao ốc, nhà cửa khác trong thành phố, cũng đều đã biến thành trại giam. Số văn nghệ sĩ bị giam ở nhiều nơi, nhưng đông nhất vẫn là Đề lao Gia Định cũ, (Nay được gọi bằng một bí số: T20.) và ngay tại Sở công an.

Khi công an Cộng sản bắt văn nghệ sĩ, nghe kể, họ bắt luôn vợ chồng Đăng Giao - Chu Vị Thủy và cháu nhỏ mới sinh bấy ngày. Chị Thủy là con gái nhà báo Chu Tử. Có anh em nói, danh sách bắt bớ này phần chính do Vũ Hạnh đề nghị. Vũ Hạnh thời trước, viết phê bình văn nghệ cho báo Bách Khoa theo lối hiện thực xã hội kiểu Cộng sản, rồi nằm trong tờ Điện Tín của nhóm Lý Quý Chung, chuyên viết những truyện kháng chiến đường rừng. Báo Sống của anh Chu Tử có hồi chỉ trích đích danh Vũ Hạnh là Cộng sản nằm vùng.

Khi tôi bị bắt vô sở công an, chị Chu Vị Thủy đã được cho mang cháu nhỏ về quản thúc tại gia. Trong số văn nghệ sĩ nằm tù Cộng sản, chỉ có chị Nhã Ca là phụ nữ duy nhất. Suốt thời kỳ ở sở công an, chị bị nhốt cát sô. Anh Nguyễn Mạnh Côn cười, bảo tôi:

- Con mụ dữ quá.

Tuy cười, anh rất quan tâm việc này. Một bữa, sau buổi “đi làm về”, có nghĩa là bị gọi đi hỏi cung, khi trở về phòng, anh kể với chúng tôi:

- Moa bảo họ là bao nhiêu tai to mặt lớn ở miền Nam này, đâu có người nào cách mạng bắt đi tù cả chồng lẫn vợ như trường hợp Trần Dạ Từ và Nhã Ca. Nhót bà mẹ của 6 đứa con nhỏ, có đứa còn chập chững tập đi, thì về vang gì. Nói thật, bà ta chỉ là một bà viết văn bình thường, chẳng hiểu biết gì về chính trị. Nếu sách bà ta có chống cộng, ấy là do tôi mà có. Thả bà ta về, rồi muốn tôi làm trâu làm chó gì cũng được.

Anh Côn hút thuốc phiện lâu năm, đang bị vật lên vật xuống. Nhiều phen phải cấp cứu. Một buổi tối, công an mở cửa kêu anh “đi làm việc”. Vài phút sau đã thấy anh trở vô. Mọi người hỏi sao lạ vậy, anh đáp:

- Tên X. gọi ra. Hắn đưa cho moa một cục, nói là cách mạng chiếu cố. Moa trả lại hắn, bảo tôi không cần nữa. Chỉ có vậy thôi.

Tôi còn nhớ rõ, có người hỏi “cục gì?”. Anh Anh Quân, cũng là dân từng nằm bàn đèn thuốc phiện, nháy mắt:

- Cái ông này. Cục vàng chờ gì nữa.

Anh Côn bấm vô đầu ngón tay út:

- Bằng chừng này này.

Thấy Anh Quân suýt soa tiếc rỏ, tôi nói với anh Côn:

- Sao anh không cầm đại vô, rồi cho Anh Quân nó phê cho coi.

Người tù được cử làm trưởng phòng, anh Hoàng Phú Lâm, gia đình chủ Đệ Nhất Khách Sạn, cũng là một quân nhân trong văn phòng ông Đại tướng Cao Văn Viên ở Tổng tham mưu. Anh Lâm từng chính mắt thấy ông bà Viên kính nể anh Côn như ông thầy, nên rất trọng anh Côn. Cả phòng, đối với mấy anh em nhà văn, đều rất quý mến.

Từ lúc hết bị thuốc phiện hành, anh Côn tươi tỉnh hơn, trò chuyện vui hơn. Các bạn trẻ trong phòng giam thường ngồi quanh anh, để nghe anh kể những truyện khoa học giả tưởng rất hấp dẫn. Trong tù, có gì đâu để ăn, anh cũng nói ăn ngon miệng hơn hồi ở nhà. Mấy năm trước, Nguyễn Mạnh Côn trở thành nhà thầu khoán có hạng trong quân đội. Anh Trần Dạ Từ đã thu xếp xong tù lâu, việc anh Phạm Duy nhường lại ngôi nhà cũ (một “dinh cơ” đồ sộ trong khu Chu Mạnh Trinh, Phú Nhuận) cho gia đình anh Côn. Năm 1975, cùng với Trần Dạ Từ, “nhà thầu” này bao dàn việc ấn loát binh thư cho Tổng cục quân huấn do tướng Nguyễn Bảo Trị làm Tổng cục trưởng. Riêng dịch vụ này đã lên tới cả trăm triệu bạc, lại còn đang khởi công đại tu bổ Nghĩa trang quân đội ở xa lộ. Khi bắt anh Côn và anh Từ, công an cộng sản dùng cả đoàn xe chở đầy nhóc toàn sách binh thư chiến thuật, dạy đủ môn, từ thủy lôi tới tổ chức biệt kích. Công an nghe đâu còn thu cả lô quỹ phiếu mấy chục triệu bạc tiền in binh thư chưa kịp lãnh ở nhà anh Trần Dạ Từ, hèn chi họ chả cho là ghê lắm. Các “đồng chí” làm sao tưởng tượng nổi, ở miền Nam, đây chỉ là việc làm ăn bình thường, người thầu khoán vớ vắn nào cũng có thể như vậy.

Trong tù, nhiều khi vui chuyện có lần anh Nguyễn Mạnh Côn kể:

- Một lần hai anh em vô Tổng tham mưu thăm Trung tướng (Nguyễn Bảo) Trị, khi ra tới bảo Từ hồng rồi cậu ạ. Một anh thi sĩ, một anh nhà văn, mở miệng ra toàn là thấy tiền với bạc. Xe vô một chỗ thế này thì anh em lính canh phải đứng đón, mở cửa. Vậy thì còn chớ gì là thi sĩ với nhà văn nữa. Cứ điệu này, chắc tiêu tùng luôn.

Anh nói thêm, một cách nghiêm chỉnh:

- Cái vụ anh em mình ai nấy sạch sẽ vô tù, không chừng là vô bờ to đẩy các cậu ạ. Tin lời tới đi. Biết đâu, nhờ đó mà nhà văn nhà thơ tái sinh.

Anh Doãn Quốc Sỹ kết luận:

- Mèo lại hoàn mèo.

Chúng tôi đều cười, mừng cho sự tỉnh táo lạc quan của bạn, khi bạn đã chia tay được với nàng tiên nâu.

Nhưng cũng ngay thời gian ở sở công an, anh Côn bắt đầu nói về cái chết. Một bữa, anh bàn với tôi:

- Lần này, sống mà về được, hai anh em mình phải xuống Thủ Đức, tìm một khu đất riêng, làm sẵn một “sanh phần” cho bọn mình, ông ạ.

Sanh phần là ngôi mộ làm sẵn. Thấy chúng tôi bàn hoài chuyện trồng cây, đào huyết cho mình, anh Trần Dạ Từ gạt đi, kêu là thời của bọn đồ mà tính chuyện vớ vẩn.

Anh Côn nói với anh Từ:

- Không vớ vẩn đâu, cậu ạ. Đổ đen gì cũng chỉ là nhất thời. Thời của họ cũng chẳng lâu lắt gì. Các cậu sẽ được nhìn thấy nó phải sụp đổ như thế nào. Ở tuổi của Từ, điều này chắc như đinh đóng cột. Thế hệ các cậu, chính cậu, sẽ phải góp phần làm cho nó đổ, rồi rán mà gánh vác lấy việc thu dọn sau đó. Còn tớ với ông Đồng đen, bọn tớ già rồi, xong phần mình rồi. Bọn tớ nhất định cứ đi tìm đất làm sanh phần như thường.

Anh Nguyễn Mạnh Côn là tác giả cuốn “ Chống Mác xít”, nhiều năm phụ trách phần bình luận phát thanh bằng tiếng Pháp của đài Saigon. Anh rất giỏi toán học, khoa học, anh viết văn, viết báo hình như bằng thứ chữ nghĩa chính xác của nhà toán học nhiều hơn là chữ nghĩa kiểu nghệ sĩ. Sau hiệp định Paris, anh Côn cho phát hành cuốn sách dày cộm, mang tên “Hòa Bình, nghĩ gì, làm gì?” Những người từng chỉ huy ngành chiến tranh chính trị, cao đẳng quốc phòng, như các tướng Vĩnh Lộc, Trần Văn Trung, Nguyễn Bảo Trị... đều tâm phục anh.

Có ông bạn được sĩ giả, nói là thông gia với gia đình nhà báo Đỗ Quý Toàn, ở tù cùng phòng, không khoái mấy chuyện xây sanh phần, nhưng nghe anh Côn bảo thời của bọn đổ chẳng lâu lắt gì, thì như người vừa uống xong thuốc bổ, nhất định bắt cả anh Côn lẫn tôi phải xài tiếng Pháp, phân tích thật kỹ cho ông nghe.

Ông bạn được sĩ giả trong buổi truyện trò năm nào hiện đang ở khu Irvine, Nam California. Vợ chồng Trần Dạ Từ ở Thụy Điển. Tôi vừa vượt biển vô được đất Mỹ. Đăng Giao, Anh Quân còn bên nhà. Anh Doãn Quốc Sỹ đang tiếp tục nằm trong nhà tù. Riêng anh Nguyễn Mạnh Côn không còn nữa. Lời xưa anh nói, chỉ hơi sai một chút: Chúng tôi không còn dịp cùng nhau xuống Thủ Đức, tự trồng cây, đào huyệt, lo lấy sanh phần cho mình.

Đúng hai năm sau ngày anh Trần Dạ Từ ra khỏi nhà tù Cộng sản, cũng đúng một năm sau ngày Văn Bút và chính phủ Thụy Điển đón tiếp gia đình anh ở Stockholm, ngày 9.9.1989, bạn hữu văn giới ở Hoa Kỳ đã họp mặt mừng anh tại một nhà hàng ở Nam Cali. Cùng với các anh Nguyễn Sa, Phạm Duy, Mai Thảo, Tạ Ty, Viên Linh, Lê Đình Điều và nhiều anh em khác, tôi đã có dịp nói về chuyện ở tù cộng sản với Trần Dạ Từ và bạn hữu. Tiếc thay, khi chỉ vừa nhắc tới trái chuối, củ khoai hai anh em có lần bẻ cho nhau trong tù, là tôi đã òa khóc ngay trên diễn đàn, không sao nói được thành tiếng nữa. Sức lực tuổi già tẻ hại quá. Bao nhiêu năm trong ngục tù, anh em nhà văn nhà báo bên nhau đâu có ai nhìn thấy nhau khóc. Tất cả chúng tôi, ngay trong ngục tù, vẫn ráng tươi cười với nhau.

Tôi thú thật không hề biết gì về văn thơ. Về thơ Trần Dạ Từ cũng vậy. Chỉ biết anh trong nghề làm báo. Tờ nhật báo cuối cùng của anh Từ, trước khi đóng cửa vì luật báo chí VNCH đòi chủ báo thế chân 20 triệu, in trong nhà in của tôi ở đường Võ Tánh. Vị trí làng báo Saigon dành cho Trần Dạ Từ làm tôi ngạc nhiên, cứ tưởng anh phải là một người lớn tuổi hơn. Khi gặp, tôi mới biết anh sinh năm 1940.

Thời đệ nhất Cộng Hòa, cả miền Nam chỉ có 9 nhật báo. Năm 1962, anh Trần Dạ Từ đã là Tổng thư ký nhật báo Dân Việt, một tờ báo gốc Thiên Chúa giáo cánh Bắc. Anh Chu Tử viết truyện dài và mục Ao thả Vịt nổi tiếng, là từ báo này. Sau 1964, bộ biên tập bạn hữu của Từ sẽ còn điều khiển các tờ báo có lúc có số bán vượt mức như Sống, Hòa Bình, Độc Lập. Sau khi bị cầm tù thời Phật giáo tranh đấu năm 1963, ra tù, Trần Dạ Từ vẫn tiếp tục làm tờ Dân Việt, nay đã đổi tên thành Việt Báo, do anh Phương Linh làm chủ nhiệm. Tôi còn nhớ đây là lúc thịnh thời nhất của Phật giáo miền Trung. Tờ “Lập Trường” do nhóm các anh Tôn Thất Hanh, Lê Tuyên, Cao Huy Thuần xuất bản ngoài Huế, làm mưa làm gió, tới mức đòi phải thiên đô ra Huế. Bài quan điểm đòi Thủ đô chính trị phải là Huế thì viết rằng gần mực thì đen. Thủ đô chính trị phải là Huế, gần đèn, mới mong rạng được. Thời ấy, cánh chính khách theo các thầy ngoài Huế đang lên chân. Chủ báo Lập Trường được mời vô Saigon làm Hội đồng Nhân Sĩ. Chính nghĩa chống độc tài quân phiệt rạng ngời, phần lại lo bị chụp mũ cần lao, chế độ cũ, làng báo Saigon êm re.

Chính lúc đó trên tờ Việt Báo xuất hiện loạt bài ký rõ tên Trần Dạ Từ, minh danh “hỏi thăm” anh em nhóm Lập Trường, từng điếm một rành rọt. Tuần báo văn Nghệ Tiền Phong, phần quan điểm thời cuộc do anh Nguyễn Mạnh Côn, thường viết với bút hiệu Đăng Vân Hầu, gọi việc anh Từ ký rõ tên cho loạt bài này là sự đại dột đáng kính trọng của người làm báo. Còn nhớ, lãnh tụ sinh viên nổi danh thời 1964 là anh Nguyễn Trọng Nho, tuyên bố tán thành các luận cứ của Trần Dạ Từ. Làng báo Saigon bắt đầu hưởng ứng. Báo Lập Trường im, một thời sau, tự đóng cửa. Cao Huy Thuần lấy học bổng đi sang Pháp học. Sau 1975, báo Cộng Sản ở Hà Nội nói Cao Huy Thuần là nhà nghiên cứu, chuyên về tiểu sử Hồ Chí Minh.

Sống với nhau trong tù, nhất là qua anh Côn lúc đầu, biết thêm về anh Trần Dạ Từ, tôi càng ngạc nhiên hơn. Hóa ra anh Từ còn lạ hơn tôi tưởng. Thấy anh hồi ngoài hai mươi tuổi đã làm tổng thư ký một tờ nhật báo công giáo, lại là người đưa hồi ký của Linh Mục Cao Văn Luận lên báo Độc Lập, tôi đinh ninh anh phải là công giáo thì anh lại là một Phật tử. Trong bộ biên tập anh Từ điều khiển và bạn hữu anh, nhiều người là đại khoa bằng. Tôi đinh ninh anh phải là người học hành ghê lắm, hóa ra anh chưa học xong tiểu học. Tiếng Tây, tiếng Mỹ bập bẹ, cùng lắm chỉ đủ để đoán mò ra nội dung bản tin viễn ký hàng ngày, trước khi trao cho người phiên dịch trong tòa báo. Thì ra, người bạn đồng nghiệp trẻ của chúng tôi, vốn xuất thân chỉ là cậu bé bán báo, mười hai tuổi đã sống ngoài lề đường.

Tết năm 1955, trước khi người Pháp rời hẳn Việt Nam, đài Pháp Á ở Saigon tổ chức giải thơ, phần thưởng lớn gấp ba đài Saigon. Người tới đòi lãnh giải nhất là một cậu bé 15 tuổi mặc quần sọc. Chủ sự chương trình Pháp Á là anh Hoàng Cao Tăng phải họp hội đồng giám khảo lôi cậu bé ra thử tài đủ kiểu, buộc anh Hồ Đình Phương, thư ký hội đồng, phải lập biên bản, ký bảo lãnh, mới chịu phát cho cậu bé mấy ngàn bạc tiền trúng giải. Năm 1956, vẫn cậu bé, lại đoạt giải nhất giải truyện ngắn của tuần báo Nhân Loại, do anh Tam Ích coi ban giám khảo. (Người đoạt giải nhì là anh Lê Vĩnh Hòa, sau này là nhà văn liệt sĩ của Mặt Trận Giải Phóng). Anh Hồ Đình Phương phụ trách trang "Bình Thơ" trên báo Văn Nghệ Tiền Phong dành cả 4, 5 kỳ báo bình thơ cậu bé khác thường này. Bước vô làng báo chuyên nghiệp, cậu bé làm thơ văn ấy phải làm từ việc thầy cò, viết lấp chỗ trống đủ các mục, từ tin cán chó, tới bài quan điểm, rồi mới thành Trần Dạ Từ. Hồi còn tù ở Sở công an, anh Nguyễn Mạnh Côn có lần nói với tôi:

- Có dịp, ông nhớ bắt tên Từ học thêm, phải cho nó thật giỏi tiếng Pháp.

Anh Côn kể từ lâu đã bắt anh Từ học thuộc bản tuyên ngôn của Đảng cộng sản bằng tiếng Tây. Tôi nghe mà phì cười. Học kiểu ấy thì làm sao mà khá cho nổi.

Hồi hai anh em cùng nằm một chiếu ở trại khổ sai Gia Trung, đến phiên tôi dạy anh Từ học thêm tiếng Pháp. Lại có thêm một chuyện buồn cười. Không khá gì hơn ông thầy Nguyễn Mạnh Côn, anh Từ lại phải tụng cho bằng hết toàn văn Lê Nin bằng tiếng Tây, nhờ hình Lê Nin, mà sách gửi được vô trại tù. Tụng kỹ Lê Nin quá, có lần anh Từ nói:

- Có dịp, anh em mình phải chú giải lại Lê Nin bằng sự việc ông ạ. Tức cười thật, thì ra trí tuệ phương tây bị chữ nghĩa bắt nạt, chả hiểu gì cả.

Năm 1977, cũng tại Gia Trung, chị Nhã Ca đi cùng vợ tôi lên thăm, sau đó anh Từ cho tôi biết anh Mai Thảo, sau cả năm bị lòng bắt, đang ở trong nhà anh trên đường Tự Do. Tôi với anh Doãn Quốc Sỹ nhìn nhau, không biết nói sao. Đầu năm 1978, thân nhân anh Mai Văn Lễ (Khoa trưởng luật khoa Huế, nguyên phó chủ tịch Hội đồng kinh tế quốc gia, rất thân quý anh Từ) lên thăm cho hay chị Nhã và lũ nhỏ bị đuổi khỏi nhà, trực xuất khỏi thành phố. Suốt cả năm không có tin nhà, chả biết vợ con sống chết ra sao, anh Từ không hề hé răng nói một câu lo lắng, vẫn bình tĩnh tụng Lê Nin toàn tập.

Anh Doãn Quốc Sỹ sau này, trong tù, sẽ thay tôi đọc cả chục bài thơ của Trần Dạ Từ, bằng tiếng Tây. Nói rằng trong tù không hề khóc, với tôi, cũng sai. Tôi đã có hai lần khóc. Một lần, khi làm việc trực nhật, xuống bếp trại bưng nồi cơm, thấy mấy hạt cơm rơi phía ngoài nồi, trước mặt đông đủ anh em, tiếc của trời, cho là thường, tôi bốc bỏ vô miệng. Hôm sau, có người báo là bọn cán bộ bảo vệ trưởng phải họp đội, mang anh ra đấu tố vì tội lượm cơm của đội ăn riêng. Anh Từ bảo riêng tôi:

- Nó muốn kiếm chuyện, chọc mình cãi lại cho có cớ bêu xấu rồi nhốt. Chuyện không đáng. Đừng đại húc đầu. Anh đừng thêm cãi tiếng nào. Nhận ngay lỗi, tự mình xin chịu biện pháp kỷ luật nặng nhất. Vậy là hết chuyện để nói qua nói lại.

Phiên họp đội đấu tố được tổ chức. Tôi nói, bao năm rồi tôi vẫn nhớ nguyên từng chữ, như sau:

- Tôi xin nhận hết tội lỗi đã bốc cơm của đội và của nhân dân bỏ vô miệng. Năm nay tôi gần 60 tuổi, một người chừng ấy tuổi mà không ra gì, bốc cả đến mấy hạt cơm rơi bỏ vô lỗ miệng, ngay trước mặt bao anh em khác, thật làm tất cả phải xấu hổ. Tôi xin nhận hết tội lỗi to lớn này. Xin các anh em hãy hăng hái phê bình. Xin cán bộ hãy cho tôi hưởng hình phạt nào nặng nhất, như cúp phần ăn hoặc đi kỷ luật, để giúp tôi tự sửa mình. Xin hết.

Mọi người nhìn nhau, không thấy ai đấu tố. Sau đó cũng không thấy hình phạt. Chúng tôi cũng chỉ lặng lẽ cười với nhau. Ít lâu sau, khi nghe tin anh Nguyễn Mạnh Côn chết, lại nghe kể trước khi chết miệng anh còn kêu cơm cơm. Tự nhiên, tôi bỗng thấy mình khóc.

Tôi còn khóc một lần nữa, khi chuyển trại. Được rời khỏi đội khổ sai nặng nề nhất trại, bị gọi là đội trùng giới, với nhiều người, là cái may. Với tôi, thì vậy là phải xa anh Từ và bạn hữu. Trong tù, anh Từ là người lặng lẽ, không bao giờ chịu hái một cây rau cọng cỏ hoặc kiếm thêm củ khoai củ sắn, chính tôi vẫn thường lo cho anh. Gặp nhau lần cuối bên bờ suối, kiếm được trái chuối củ khoai, tôi dúm vội cho anh. Khi quay đi, một lần nữa, tôi thấy mình lại khóc.

Xin các bạn họp mặt hôm 9.9.1989 chào mừng Trần Dạ Từ tha lỗi cho tôi, đã vì khóc mà bỏ ngang phần phát biểu.

Hồ Văn Đồng